

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **257/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/9/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Minh
2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/05/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Tiến H, sinh năm 1983; HKTT tại: tổ A phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, Sinh năm 1992; HKTT tại: tổ A phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Phan Tiến H trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến giữa năm 2021 phát mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 01/2022, chị T bỏ nhà đi đâu không rõ tung tích, địa chỉ, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm

vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phan Hồng Tr, sinh ngày 18/7/2012 và cháu Phan Tiến Tri, sinh ngày 05/9/2015.

Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì hiện tại các cháu vẫn đang sống cùng anh, còn chị T đi đâu anh không biết và cũng không có trách nhiệm với các con. Anh không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Tòa án, bị đơn – chị Đỗ Thị T vắng mặt tại Tòa án nên không có bản tự khai và Tòa án không lấy được lời khai của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

Hôn nhân giữa anh H và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị T vắng mặt tại Tòa án do đó không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng được. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H.

Về con chung: Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Chị T hiện không có ở nhà, đi đâu không rõ, hai con chung có lời khai thể hiện nguyện vọng xin ở với anh H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị T do anh H không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ: Do đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm anh Phan Tiến H nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là chị Đỗ Thị T, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: phố L, tổ A phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Kết quả xác minh tại Công an phường V thể hiện: Từ ngày 07/01/2022 đến nay, chị T đi khỏi nơi cư trú, đi đâu không rõ, không khai báo tạm vắng tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ L, tổ A phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú không rõ thời điểm trở về, căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và giải quyết vụ án theo quy định chung.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết; bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc vắng mặt của mình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Tiến H và chị Đỗ Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn và cung cấp của địa phương nơi vợ chồng anh H và chị T cư trú: Mẫu thuẫn vợ chồng anh H và chị T phát sinh từ giữa năm 2021, vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng chủ nợ có đến gia đình anh H đòi nợ, anh H phải trả nợ thay chị T nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đầu tháng 01/2022 khi chị T bỏ nhà đi đâu không rõ tung tích, địa chỉ.

Do chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai và Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, trên thực tế hai anh chị không còn chung sống với nhau, chị T đã bỏ đi và anh H không biết chị T đi đâu, quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phan Hồng Tr, sinh ngày 18/7/2012 và Phan Tiến Tr, sinh ngày 05/9/2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Thực tế, kể từ khi chị T bỏ nhà đi, 02 con chung đều sinh sống cùng anh H, do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bản thân anh H cũng xin được nuôi cả 02 con chung và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện, hoàn cảnh thực tế cũng như nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi ích tốt nhất cho con. Do anh H không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị T cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Do anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu phát sinh tranh chấp, các đương sự có đơn khởi kiện thì thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Phan Tiến H và xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Tiến H được ly hôn đối với chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Xác định anh Phan Tiến H và chị Đỗ Thị T có 02 con chung là cháu Phan Hồng Tr, sinh ngày 18/7/2012 và cháu Phan Tiến Tr, sinh ngày 05/9/2015.

2.2. Giao cháu Phan Hồng Tr và cháu Phan Tiến Tr cho anh Phan Tiến H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đỗ Thị T cho đến khi cháu Phan Hồng T và Phan Tiến Tr mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

2.3. Chị Đỗ Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về công nợ: Tòa án không giải quyết.

5. Án phí: Anh Phan Tiến H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo iên lai số 65079 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Phan Tiến H và chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T.p Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên,
- UBND phường V, quận Long Biên, T.p Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn ngày 22/9/2011)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

